

こども家庭センターのご案内（Hướng dẫn của trung tâm gia đình và trẻ em）

妊娠・出産・育児の不安など一人で抱え込まずに気軽にご相談ください。

Xin đừng giữ nỗi lo về mang thai – sinh nở – nuôi dạy con một mình. Hãy thoải mái liên hệ để được tư vấn.

▶ 乳幼児健康診査、こどもの発育・発達および予防接種の相談など

▷ Khám sức khỏe trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, tư vấn phát triển – tăng trưởng và tiêm chủng

☎51-6792

▶ 母子健康手帳の交付や妊婦・赤ちゃん訪問、産後ケア事業、パパママ教室など

▷ Cấp sổ tay sức khỏe mẹ và bé, thăm nhà bà bầu và em bé, dịch vụ chăm sóc sau sinh, lớp học cho bố mẹ

☎51-6797

▶ 子育ての悩みや不安、児童虐待やDV等の女性の相談

▷ Tư vấn về nuôi dạy con, lo lắng – bất an trong việc chăm sóc trẻ, tư vấn cho phụ nữ về bạo hành trẻ em, bạo lực gia đình (DV)

☎51-6734

こども家庭センター事業一覧

（ Danh sách các nội dung của trung tâm gia đình và trẻ em ）

No.1

事業名 (Tên nội dung)	対象 (Đối tượng)	場所 (Địa điểm)	備考 (Ghi chú)
妊娠の届出・ 母子健康手帳の 交付 Khai báo mang thai・Cấp sổ tay s ức khỏe mẹ và bé	妊婦 Phụ nữ mang thai	こども家庭センター 9：00～16：00 （土日祝日、年末年始 を除く） Trung tâm gia đình và tr ẻ em 9:00～16:00 （trừ T7, CN, ngày lễ và dịp cuối năm đầu năm）	事前予約が必要 Cần đặt lịch trước ・母子健康手帳の交付 Cấp sổ tay sức khỏe mẹ và bé ・医療機関で記入された妊娠届出書 をお持ちください。 Mang theo giấy khai báo mang thai do cơ sở y tế điền ・妊娠・出産の健康管理に関する情 報提供と保健指導と妊婦健康診査受 診票交付等 Cung cấp thông tin, hướng dẫn quản lý s ức khỏe trong thai kỳ và sinh nở, tư vấn y tế, cấp phiếu khám thai ・妊婦健康診査に係る費用の一部を 助成する妊婦健康診査受診票を、母 子健康手帳を交付するときにお渡し します。また、多胎妊娠の場合、受 診票の追加交付をします。 Khi cấp sổ tay mẹ và bé sẽ phát phiế u hỗ trợ một phần chi phí khám thai. Trường hợp mang đa thai sẽ được cấp th êm phiếu.

事業名 (Tên nội dung)	対象 (Đối tượng)	場所 (Địa điểm)	備考 (Ghi chú)
妊婦家庭訪問 Thăm gia đình thai phụ	妊婦 Phụ nữ mang thai	事前に訪問日時を確認し、妊産婦指導員が家庭訪問します。 Nhân viên hướng dẫn bà mẹ và trẻ em sẽ xác nhận trước thời gian và đến thăm gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> すべての妊婦さんの家庭に訪問しています。 妊娠中の健康面・生活面についての相談、アドバイス • Tất cả các thai phụ đều được thăm • Tư vấn, hướng dẫn về sức khỏe và sinh hoạt trong thai kỳ
<p>パパママ教室</p> <p>開催日程などは母子健康手帳交付のときや広報とわだでご案内します。</p> <p>Lớp học cho bố mẹ</p> <p>Lịch tổ chức sẽ được thông báo khi cấp sổ tay mẹ và bé hoặc trên bản tin thành phố ở Towada.</p>	<p><妊娠期コース> 妊婦とパートナーや家族 <Khóa dành cho thai kỳ> Thai phụ, bạn đời và gia đình</p>	<p>市民交流プラザ「トワーレ」</p> <p>日曜 10:00~11:30 Trung tâm giao lưu công dân “Toware” Chủ nhật 10:00 - 11:30</p>	<p>事前予約が必要</p> <p>パパの妊婦体験、妊婦と家族の食生活、沐浴体験、赤ちゃんのお世話、情報交換 等 Cần đặt lịch trước</p> <p>Trải nghiệm mang thai cho bố, chế độ ăn của thai phụ và gia đình, trải nghiệm tắm cho bé, chăm sóc trẻ sơ sinh, trao đổi thông tin...</p>
	<p><産後期コース> 生後2か月~1歳未満のお子様のいる産婦と家族 <Khóa sau sinh> Sản phụ có con từ 2 tháng đến dưới 1 tuổi và gia đình</p>	<p>市民交流プラザ「トワーレ」</p> <p>日曜 10:00~11:30 Trung tâm giao lưu công dân “Toware” Chủ nhật 10:00 - 11:30</p>	<p>事前予約が必要</p> <p>ベビーマッサージ、親子体操、情報交換 等 Cần đặt lịch trước</p> <p>Massage cho bé, thể dục cha mẹ - con cái, trao đổi thông tin...</p>
赤ちゃん訪問 Thăm em bé sơ sinh	退院後~おおむね生後4か月までの間 Từ sau khi xuất viện đến khoảng 4 tháng tuổi	事前に訪問日時を確認し、妊産婦指導員が家庭訪問します。 Nhân viên hướng dẫn bà mẹ và trẻ em sẽ xác nhận trước thời gian và đến thăm gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> すべての赤ちゃんのいる家庭に訪問しています。 市外に里帰りされた場合は、里帰り先での訪問または、里帰り後の訪問になります。 • Tất cả các gia đình có em bé đều được thăm • Nếu về quê sinh con ngoài thành phố, sẽ thăm tại nơi về quê hoặc sau khi quay lại

事業名 (Tên nội dung)	対象 (Đối tượng)	場所 (Địa điểm)	備考 (Ghi chú)
産後ケア事業 Dịch vụ chăm sóc sau sinh	出産後、育児等の 支援が必要な方 Người sau sinh cần hỗ trợ nuôi con	【訪問型】 自宅へ助産師が訪 問 【デイサービス型】 助産院に通所 【宿泊型】 病院に宿泊 (Hình thức thăm) Nữ hộ sinh đến nhà thăm (Dịch vụ ban ngày) Đến phòng hộ sinh (Hình thức lưu trú) Nghỉ lại tại bệnh viện	事前申請が必要 <ケア内容> ・授乳・沐浴・育児指導 ・乳房の手当て ・発育・健康状態相談 ・休養 等 Cần nộp đơn trước <Nội dung chăm sóc> ・ Hướng dẫn cho bú, tắm cho bé, chăm sóc trẻ ・ Chăm sóc bầu ngực ・ Tư vấn phát triển và tình trạng sức kh ỏe ・ Nghỉ ngơi...
1 か月児健康診 査 Khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi	生後 1 か月児 Trẻ 1 tháng tuổi	出産した病院または 小児科 Bệnh viện đã sinh hoặc phòng khám nhi	乳児一般委託健康診査受診票を使用 します。 Sử dụng phiếu khám sức khỏe trẻ sơ sinh
4 か月児健康診 査 Khám sức khỏe trẻ 4 tháng tuổi	生後 4～5 か月児 Trẻ 4-5 tháng tuổi	保健センター Trung tâm y tế	・妊娠 37 週末満で生まれた赤ちゃんは、出産予定日から数えて 4 か月 後に受診してください。 ・健診の前に授乳は済ませておきま しょう。 ・ハガキにて日時をご案内します。 持ち物：問診票、母子健康手帳 ※問診票は、子どもすこやか手帳(別 冊)にあります。 ・ 産後 37 週未満: hãy thăm khám ở thời điểm tính được 4 tháng kể từ ngày dự sinh ・ Cho trẻ bú xong trước khi đi khám ・ Thời gian, ngày giờ sẽ được thông b áo bằng bưu thiếp. Mang theo: Phiếu câu hỏi, sổ tay mẹ và bé ※Phiếu câu hỏi có ở quyển sổ tay cẩm nang sức khỏe trẻ em (quyển phụ)
1 歳 6 か月児 健康診査 Khám sức khỏe trẻ 1 tuổi 6 tháng	1 歳 6 か月児 Trẻ 1 tuổi 6 tháng	保健センター Trung tâm y tế	・ 小児科診察、口腔歯科診察 ・ 幼児の発育・発達観察 等 ・ ハガキにて日時をご案内します。 持ち物：問診票、母子健康手帳 ※問診票は、子どもすこやか手帳(別 冊)にあります。 ・ Khám nhi khoa, khám răng miệng ・ Theo dõi sự phát triển và tăng trưởng của trẻ nhỏ, v.v. ・ Thời gian, ngày giờ sẽ được thông b áo bằng bưu thiếp. Mang theo: Phiếu câu hỏi, sổ tay mẹ và bé ※Phiếu câu hỏi có ở quyển sổ tay cẩm nang sức khỏe trẻ em (quyển phụ)

事業名 (Tên nội dung)	対象 (Đối tượng)	場所 (Địa điểm)	備考 (Ghi chú)
2歳児発達 健康診査 Khám sức khỏe ph át triển trẻ 2 tuổi	2歳6か月児 Trẻ 2 tuổi 6 tháng	保健センター Trung tâm y t□	<ul style="list-style-type: none"> • 口腔歯科診察 • フッ化物歯面塗布（希望者） • 幼児の発育・発達観察 等 • ハガキにて日時をご案内します。 持ち物：問診票、母子健康手帳 ※問診票は、子どもすこやか手帳（別冊）にあります。 <ul style="list-style-type: none"> • Khám răng miệng • Bôi fluor răng (tự nguyện) • Theo dõi sự phát triển và tăng trưởng của trẻ nhỏ, v.v. • Thời gian, ngày giờ sẽ được thông báo bằng bưu thiếp. Mang theo: Phiếu câu hỏi, sổ tay mẹ và bé ※Phiếu câu hỏi có ở quyển sổ tay cẩm nang sức khỏe trẻ em (quyển phụ)
3歳児 健康診査 Khám sức khỏe trẻ 3 tuổi	3歳6か月児 Trẻ 3 tuổi 6 tháng	保健センター Trung tâm y tế	<ul style="list-style-type: none"> • 事前にご家庭で視力検査、ささやきテストを実施し、記入の上ご持参ください。 • 封書にて日時のご案内と問診票、尿検査容器をお送りします。 持ち物：問診票、母子健康手帳、採尿した容器 <ul style="list-style-type: none"> • Vui lòng thực hiện kiểm tra thị lực và bài kiểm tra nghe thì thầm tại nhà trước, điền kết quả và mang theo khi đến khám. • Thư mời (phong bì kín) sẽ được gửi, trong đó có thông báo ngày giờ, phiếu câu hỏi và dụng cụ lấy mẫu nước tiểu. Mang theo: phiếu câu hỏi, sổ tay mẹ và bé, mẫu nước tiểu đã lấy.
5歳児 セルフチェック Tự kiểm tra cho trẻ 5 tuổi	5歳になる児 Trẻ tròn 5 tuổi	対象者に郵送され 自宅で実施 Được gửi qua đường bưu điện đến đối tượng áp dụng và thực hiện tại nhà	「5歳児セルフチェック」に記入の上、就園しているお子さんは就園先に提出し、園とお子さんの成長を確認しましょう。 Điền phiếu “Tự kiểm tra trẻ 5 tuổi”, nếu đang đi mẫu giáo thì nộp cho trường để cùng xác nhận quá trình phát triển.
子育て相談 Tư vấn nuôi dạy con	乳幼児 (0歳～就学前まで) Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (từ 0 tuổi đến trước tuổi đi học)	保健センター Trung tâm y tế	希望されるかたは事前に、お問い合わせください。 Hãy liên hệ trước nếu có nhu cầu

※各健康診査・相談・講座の実施日は、広報とわだまたは市ホームページ等をご覧になり、ご確認ください。

※Ngày thực hiện các buổi khám, tư vấn, lớp học: vui lòng kiểm tra trên Bản tin Towada hoặc website thành phố.

※各健康診査当日は、母子健康手帳と、【別冊】子どもすこやか手帳内の問診票を記載の上、持参してください。

※Khi đi khám, mang theo sổ tay mẹ và bé và phiếu câu hỏi trong sổ tay cầm nang sức khỏe trẻ em (quyển phụ).

※発熱や感染症等で治療中のかたは、症状が治ってから乳幼児健診にお越しください。

※Nếu đang sốt hoặc mắc bệnh truyền nhiễm, hãy đến khám sau khi đã khỏi.

妊娠・出産したかたへのサポート (Hỗ trợ dành cho người mang thai và sinh con)

事業名 (Tên nội dung)	説明 (Giải thích)	問い合わせ先 (Nơi liên hệ)
妊婦のための支援 給付 (1 回目) Trợ cấp hỗ trợ thai phụ (lần 1)	<ul style="list-style-type: none"> • 妊娠の届出を行ったかたに、5 万円を支給します。 • 母子健康手帳交付のときにご案内します。 • Chi trả 50.000 yên cho người đã khai báo mang thai • Được hướng dẫn khi cấp sổ tay mẹ và bé 	<p>こども支援課 Phòng hỗ trợ trẻ em</p> <p>☎51-6716</p>
妊婦のための支援 給付 (2 回目) Trợ cấp hỗ trợ thai phụ (lần 2)	<ul style="list-style-type: none"> • 妊娠している子どもの人数の届出を行ったかたに、妊娠している子ども 1 人当たり 5 万円を支給します。 • 出産予定日の 8 週間前の日から、届出できます。(死産や心拍確認後の流産の場合も支給します。) • Đối với người đã khai báo số lượng thai nhi đang mang, sẽ được trợ cấp 50.000 yên cho mỗi thai nhi. • Có thể nộp hồ sơ từ 8 tuần trước ngày dự sinh. (Trường hợp thai chết lưu hoặc sảy thai sau khi đã xác nhận tim thai vẫn được chi trả). 	
未熟児養育医療給 付制度 Chế độ trợ cấp y tế nuôi dưỡng trẻ sinh non	<p>未熟児 (2,500 g 未満) を養育している保護者のかたに対し、未熟児の医療費を退院 (最長 1 歳の誕生日前日) まで助成します。</p> <p>Đối với phụ huynh đang nuôi dưỡng trẻ sinh non (dưới 2.500g), sẽ hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ sinh non từ khi sinh đến khi xuất viện (tối đa đến ngày trước sinh nhật 1 tuổi).</p>	
子ども医療費給付 事業 Chương trình trợ cá p chi phí y tế cho trẻ em	<p>18 歳までの子どもを養育している保護者のかたに対し、健康保険が適用される医療費の自己負担分を全額助成します。</p> <p>Đối với phụ huynh đang nuôi dưỡng trẻ em đến 18 tuổi, hỗ trợ toàn bộ chi phí cho phần tự chi trả.</p>	
妊産婦十割給付証 明書の交付 Cấp giấy chứng nhận hỗ trợ y tế 100% cho phụ nữ mang thai và sau sinh	<p>国保加入の妊産婦に対して、妊産婦十割給付証明書発行の日から出産した月の翌月末までの外来医療費を助成します。国民健康保険の資格情報が確認できるもの (「資格情報のお知らせ」または「資格確認書」)・母子健康手帳をお持ちのうえ、手続きをしてください。</p> <p>Đối với phụ nữ mang thai và sau sinh tham gia bảo hiểm y tế quốc dân, chi phí khám chữa bệnh ngoại trú sẽ được hỗ trợ 100% từ ngày cấp Giấy chứng nhận hỗ trợ 100% cho thai phụ đến hết ngày cuối cùng của tháng sau tháng sinh con.</p> <p>Khi làm thủ tục, vui lòng mang theo giấy tờ xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm y tế quốc dân (Giấy thông báo thông tin tư cách hoặc Giấy xác nhận tư cách) và Sổ tay mẹ và bé.</p>	<p>国保年金課 Phòng bảo hiểm và lương hưu</p> <p>☎51-6750</p>
出産育児一時金 Trợ cấp sinh con	<p>国民健康保険に加入している方が妊娠満 12 週 (85 日) 以降に出産した場合 (死産・流産を含む)、世帯主に支給されます。</p> <p>※国民健康保険以外の方は、ご加入の健康保険にお問い合わせください。</p> <p>Trường hợp người tham gia bảo hiểm y tế quốc dân sinh con sau khi mang thai đủ 12 tuần (85 ngày) trở lên (bao gồm cả sinh non, thai chết lưu hoặc sảy thai), khoản trợ cấp sẽ được chi trả cho chủ hộ.</p> <p>※ Đối với những người không tham gia bảo hiểm y tế quốc dân, vui lòng liên hệ với bảo hiểm y tế mà quý vị đang tham gia.</p>	

法律で定められている乳幼児・小学生の予防接種の可能年齢

(Độ tuổi có thể tiêm chủng vắc-xin cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và học sinh tiểu học theo quy định của pháp luật)

No. 1

	予防接種名 (Tên vắc-xin)	接種回数 (Số lần tiêm)	接種時期 (Thời điểm tiêm)
定期 接種 (Tiêm chủng định kỳ)	肺炎球菌 (不活化ワクチン) Phế cầu khuẩn (vắc-xin bất hoạt)	4回 4 lần	<p>初回：3回 Mũi đầu: 3 lần</p> <p>追加：1回 Bổ sung: 1 lần</p> <p>生後2月～5歳未満に接種する。 ※追加接種は初回接種終了後、60日以上空けて生後12月～15月までに1回行う。 Tiêm từ 2 tháng tuổi đến dưới 5 tuổi.</p> <p>※ Mũi bổ sung: Sau khi kết thúc các mũi tiêm ban đầu, cách từ 60 ngày trở lên, tiêm 1 lần trong khoảng 12-15 tháng tuổi.</p>
	<5種混合> ジフテリア 百日せき 破傷風 ポリオ Hib (ヒブ) (不活化ワクチン) <Vắc-xin phối hợp 5 trong 1> Bạch hầu Ho gà Uốn ván Bại liệt Hib (vắc-xin bất hoạt)	4回 4 lần	<p>1期初回： 3回 Mũi đầu giai đoạn 1: 3 lần</p> <p>1期追加： 1回 Bổ sung giai đoạn 1: 1 lần</p> <p>生後3月～7歳6月未満に接種する。 ※1期追加は、1期初回：3回終了後12月～18月の間隔をおいて1回行う。 Tiêm từ 3 tháng tuổi đến dưới 7 tuổi 6 tháng.</p> <p>※ Mũi bổ sung giai đoạn 1: Sau khi kết thúc 3 mũi ban đầu, cách 12-18 tháng, tiêm 1 lần.</p>
	BCG (生ワクチン) BCG (vắc-xin sống)	1回 1 lần	<p>生後1歳未満に接種する。 Tiêm khi dưới 1 tuổi</p>

	予防接種名 (Tên vắc-xin)	接種回数 (Số lần tiêm)		接種時期 (Thời điểm tiêm)
定期 接種 (Tiêm chủng định kỳ)	麻疹 風疹 (混合生ワクチン) Sởi Rubella (vắc-xin sống phối hợp)	1期 Giai đoạn 1	1回 1 lần	1歳～2歳未満に接種する。 Tiêm từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi
		2期 Giai đoạn 2	1回 1 lần	5歳以上7歳未満の方で、小学校就学前の1年間(就学前年度4/1～3/31まで)に接種する Đối tượng từ 5 tuổi đến dưới 7 tuổi, tiêm trong 1 năm trước khi vào tiểu học (từ 01/4 đến 31/3 của năm trước khi nhập học).
	水痘 (生ワクチン) Thủy đậu (vắc-xin sống)	2回 2 lần		生後1歳～3歳未満に接種する。 Tiêm từ 1 tuổi đến dưới 3 tuổi.
	日本脳炎 (不活化ワクチン) Viêm não Nhật Bản (vắc-xin bất hoạt)	4回 4 lần	1期初回: 2回 Mũi đầu giai đoạn 1: 2 lần	生後6月～7歳6か月未満に接種する。 ※1期追加は1期初回:2回終了後、約12月の間隔を置いて1回行う。 Tiêm từ 6 tháng tuổi đến dưới 7 tuổi 6 tháng.
			1期追加: 1回 Mũi bổ sung giai đoạn 1: 1 lần	※ Mũi bổ sung giai đoạn 1: Sau khi kết thúc 2 mũi ban đầu, cách khoảng 12 tháng, tiêm 1 lần.
		2期: 1回 Giai đoạn 2: 1 lần	9歳～13歳未満に接種する。 Tiêm từ 9 tuổi đến dưới 13 tuổi.	
<2種混合> ジフテリア 破傷風 (不活化ワクチン) <Vắc-xin phối hợp 2 trong 1> Bạch hầu Uốn ván (vắc-xin bất hoạt)	1回 1 lần	2期 Giai đoạn 2	11歳～13歳未満に接種する。 Tiêm từ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi.	

	予防接種名 (Tên vắc-xin)		接種回数 (Số lần tiêm)	接種時期 (Thời điểm tiêm)
定期 接種 (Tiêm chủng định kỳ)	ロタウイルス (生ワクチン) Rotavirus (vắc-xin sống)	1価 Loại 1 giá	2回 2 lần	生後6～24週に接種する。 Tiêm từ 6-24 tuần tuổi.
		5価 Loại 5 giá	3回 3 lần	生後6～32週に接種する。 Tiêm từ 6-32 tuần tuổi.
	B型肝炎 (不活化ワクチン) Viêm gan B (vắc-xin bất hoạt)		3回 3 lần	1歳未満に接種する。 Tiêm khi dưới 1 tuổi.